TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN TỈNH LAI CHÂU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 20-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đồng Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Thóc; Bà Nghiêm Thị Tú Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2024/TLST-HS, ngày 25 tháng 7 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Mào Văn T**, sinh năm 1981, tại tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Chợ, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông: Mào Văn H (đã chết) và con bà: Lò Thị Y, sinh năm 1961; Có vợ: Lù Thị B, sinh năm 1988 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/5/2024 đến nay, tại nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Lai Châu, có mặt;

2. Họ và tên: **Lò Văn H1**, sinh năm 1975, tại tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu; dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; con ông: Lò Văn T1 (đã chết) và con bà: Lò Thị T2, sinh năm 1953; có vợ: Hoàng Thị A; sinh năm 1985 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Tại Bản án số: 40/2015/HSST, ngày 24/9/2015, của Tòa án

nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, bị cáo bị xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/5/2024 đến nay, tại nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Lai Châu, có mặt;

3. Họ và tên: **Lò Văn H2**, sinh năm 1978, tại tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; con ông: Lò Văn T1, (đã chết) và con bà: Lò Thị T2, sinh năm 1953; Có vợ: Mào Thị Đ, sinh năm 1973 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/5/2024 đến nay, tại nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Lai Châu, có mặt.

- *Bị hại:* Phòng PC03 Công an tỉnh L. Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại: Ông Phạm Ngọc T3 , sinh năm 1993. Chức vụ: Phó Đội trưởng - Phòng PC03 Công an tỉnh L.

Địa chỉ: Tổ A, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu, vắng mặt tại phiên toà có lý do;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Lò Văn T4, sinh năm 1977, địa chỉ: Bản Đ, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên, vắng mặt tại phiên toà có lý do.

Người tham gia tố tụng khác.

- *Người làm chứng.* Ông Vàng A L, sinh năm 1977

Địa chỉ: bản P, xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt tại phiên toà không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 14/01/2024 đến ngày 17/01/2024, Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1 đã tham gia thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 14/01/2024, Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1 gặp nhau tại Bản C, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu. Tại đây, T, H2 và H1 bàn bạc nhau sang Nhà máy giấy thuộc Bản Phiêng Ban, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu để trộm cắp đá đa sắc dạng phiến mỏng có kích thước 20cm x 40cm x 1,2cm và 40cm x 40cm để bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân (số đá tại nhà máy giấy do Phòng PC03 - Công an tỉnh L quản lý). T, H2 và H1 cùng

nhau đi lấy thuyền của T rồi chèo qua sông, đến nơi T chèo qua tường bao đi vào bên trong nhà máy lấy đá, còn H2 và H1 đứng ngoài. Khi T lấy được đá mang ra thì H2 và H1 chuyển đá xuống thuyền, cứ như vậy cả ba lấy được đầy thuyền thì chèo thuyền đến gầm cầu B, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Đến nơi T gọi điện cho Lò Văn T4 sinh năm 1977, trú tại Bản Đ, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên để hỏi T4 có mua đá đa sắc không, T4 đồng ý mua và bảo Tuýn cứ xếp đá dưới chân cầu B, T đồng ý rồi cùng H1 và H2 bốc đá xếp vào gầm cầu, xong T gọi điện cho T4 và nói có mua đá nữa không, T4 nói có và bảo mai mang đến rồi thanh toán cả thể. Sau đó H2, H1 và T chèo thuyền đi về.

Lần thứ hai: Vào khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 15/01/2024, Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1 tiếp tục chuyền thuyền đến nhà máy giấy để trộm cắp đá. Đến nơi, H2 và H1 đứng ngoài tường bao, còn T đi vào trong nhà máy lấy đá mang ra cho H2 và H1 chuyển ra thuyền, khi thuyền đầy đá thì dừng lại, do đã muộn nên cả ba chèo thuyền về bến đò Bản Chợ và ngủ tại thuyền. Đến khoảng 6 giờ 00 phút ngày 16/01/2024, T, H2 và H1 chèo thuyền đến cầu bản Xá, đến nơi thấy T4 đang đợi, cả ba bốc và xếp đá vào gầm cầu. T4 kiểm đếm được 1.157 viên, cả viên to lẫn viên nhỏ rồi thanh toán cho T số tiền 7.500.000 đồng. Nhận tiền cả ba chèo thuyền đi về, trên đường về T đưa cho H2 và H1 mỗi người 2.500.000 đồng, số tiền trên T, H2 và H1 đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 17/01/2024, Lò Văn H1 và Mào Văn T rủ nhau tiếp tục sang nhà máy giấy trộm cắp đá đa sắc. Cả hai chèo thuyền đến, T đi vào trong nhà máy chuyển ra cho H1 chuyển ra gần thuyền, khi cả hai đang thực hiện hành vi trộm cắp thì bị Vàng A L sinh năm 1977, trú tại bản Phi Én, xã T, huyện S, tỉnh Lai Châu " Lầu là bảo vệ tại nhà máy giấy" phát hiện. Tuýn và H1 thấy có người nên đã chạy ra bờ sông chèo thuyền đi về nhà. Ngày 22/01/2014 L đã đến cơ quan Công an xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu để trình báo vụ việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 18/03/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Lai Châu kết luận: Tổng giá giá tài sản (đá) do Mào Văn T, Lò Văn H1, Lò Văn H2 trộm cắp tại nhà máy giấy là 49.007.114 đồng. Trong đó tài sản (đá) do T, H1, H2 trộm cắp ngày 14/01/2024 và ngày 15/01/2024 có tổng giá trị là 40.303.287 đồng; tài sản (đá) do T và H1 trộm cắp ngày 17/01/2024 có giá trị là 8.703.826 đồng.

Trong quá trình điều tra bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá và tại phiên tòa hôm nay các Bị cáo cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Ngày 02/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra quyết định xử lý vật chứng số 192/QĐ-CQĐT trả lại tài sản cho bị hại là Phòng PC03

Công an tỉnh L thông qua người đại diện theo uỷ quyền là anh Phạm Ngọc T3 gồm: 1.424 viên đá đa sắc.

Vật chứng còn lại của vụ án: 01 (một) chiếc thuyền sắt có chiều dài 10 mét, chiều rộng lớn nhất 01 mét (chiếc thuyền đã qua sử dụng) thu giữ của Mào Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại đen trắng, có phím nhãn hiệu NOKIA, vỏ bằng nhựa màu xanh (điện thoại đã qua sử dụng) thu giữ của Mào Văn T; 02 (hai) sợi dây tự chế từ vải bạt xác rắn màu cam, mỗi sợi dây dài 1,4 mét; 01 (một) sợi dây tự chế từ vải bạt xác rắn màu xanh - trắng dài 2,4 mét. Hiện đang được bảo quản tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, chờ xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Phòng PC03 Công an tỉnh L thông qua người đại diện theo uỷ quyền là ông Phạm Ngọc T3 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, đồng thời, đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lò Văn T4 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKS, ngày 24/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu để xét xử các bị cáo Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1. Xử phạt bị cáo Mào Văn T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù. Xử phạt bị cáo Lò Văn H2 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Xử phạt bị cáo Lò Văn H1 từ 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng đến 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Tài sản bị trộm cắp đã được trả lại chủ sở hữu, đại diện theo uỷ quyền của bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không phải giải quyết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lò Văn T4 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không phải giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với 1.424 viên đá đa sắc đã được trả lại cho bị hại nên không đề cập xử lý.

Đối với vật chứng còn lại của vụ án, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý:

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) sợi dây tự chế từ vải bạt xác rắn màu cam, mỗi sợi dây dài 1,4 mét; 01 (một) sợi dây tự chế từ vải bạt xác rắn màu xanh - trắng dài 2,4 mét.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc thuyền sắt có chiều dài 10 mét, chiều rộng lớn nhất 01 mét (chiếc thuyền đã qua sử dụng) thu giữ của Mào Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại đen trắng, có phím nhãn hiệu NOKIA, vỏ bằng nhựa màu xanh (điện thoại đã qua sử dụng) thu giữ của Mào Văn T.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố và không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành Tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng: Đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đầy đủ lời khai trong quá trình điều tra, xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Mào Văn T, Lò Văn H2, Lò Văn H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản kết luận điều tra, bản cáo trạng đã truy tố và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo Mào Văn T, Lò Văn H2, Lò Văn H1 lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đá đa sắc tại Nhà máy giấy thuộc bản Phiêng Ban, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 14/01/2024, Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1 cùng nhau chèo thuyền qua Nhà máy giấy trộm cắp đá đa sắc. Số đá trên cả ba chuyến đến gầm cầu B, thuộc phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 15/01/2024 Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1 tiếp tục chèo thuyền qua sông đến Nhà máy giấy trộm cắp đá đa sắc. Số đá trên cả ba chuyến đến gầm cầu B, thuộc phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Tổng số đá mà T, H2 và H1 trộm cắp hai lần 1.157 viên. Tổng trị giá tài sản T, H2 và H1 đã trộm cắp được định giá là: 40.303.287 đồng *(Bốn mươi triệu ba trăm linh ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng).*

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 17/01/2024, Mào Văn T và Lò Văn H1 tiếp tục chèo thuyền qua sông sang nhà máy G để trộm cắp đá đa sắc. Đến nơi, T chèo qua tường bao vào bên trong lấy đá đưa ra cho H1 chuyển đến gần thuyền. Khi đang lấy thì bị Vàng A L phát hiện cả hai bỏ lại số đá rồi chèo thuyền đi về. Số đá mà T và H1 trộm cắp là 267 viên. Tổng trị giá tài sản mà T và H1 đã trộm cắp được định giá là: 8.703.826 đồng *(Tám triệu bảy trăm linh ba nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng).*

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 14/01/2024 đến ngày 17/01/2024:

Bị cáo Mào Văn T đã 3 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó: 02 lần Mào Văn T cùng với Lò Văn H2 và Lò Văn H1 thực hiện; 01 lần Mào Văn T cùng với Lò Văn H1 thực hiện. Toàn bộ số tài sản mà T đã thực hiện và tham gia thực hiện hành vi chiếm đoạt có trị giá là: 49.007.114 đồng *(Bốn mươi chín triệu không trăm linh bảy nghìn một trăm mười bốn đồng).*

Bị cáo Lò Văn H1 đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó: 02 lần Lò Văn H1 thực hiện cùng Mào Văn T và Lò Văn H2; 01 lần Lò Văn H1 thực hiện cùng với Mào Văn T. Toàn bộ số tài sản mà H1 đã tham gia thực hiện hành vi chiếm đoạt có trị giá là: 49.007.114 đồng *(Bốn mươi chín triệu không trăm linh bảy nghìn một trăm mười bốn đồng).*

Bị cáo Lò Văn H2 đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Mào Văn T và Lò Văn H1.Toàn bộ số tài sản mà H2 đã tham gia thực hiện hành vi chiếm đoạt có trị giá là: 40.303.286 đồng *(Bốn mươi triệu ba trăm linh ba nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng).*

Các bị cáo Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1 là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đã cố ý cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Phòng PC03 Công an tỉnh L, mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn truy tố các bị cáo về tội danh, điều khoản áp dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Để có tiền tiêu xài cá nhân các bị cáo Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1 đã bất

chấp sự nghiêm cấm của pháp luật thực hiện nhiều hành vi "Trộm cắp tài sản". Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn nên cần thiết phải được xử lý nghiêm minh.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1 đều sinh ra tại huyện N, tỉnh Lai Châu. Các bị cáo không chịu lao động, tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà các bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Riêng đối với bị cáo Lò Văn H1 có nhân thân xấu, tại bản án số 40/2015/HSST ngày 24/9/2015 của Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xử Lò Văn H1 2 năm 6 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội đều có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Mào Văn T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Lò Văn H1 đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Lò Văn H2 đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xét về vai trò đồng phạm, đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Mào Văn T là người khởi xướng, rủ bị cáo Lò Văn H2 và Lò Văn H1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần, đồng thời là người thực hành tích cực nên Mào Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo Lò Văn H2 và Lò Văn H1. Đối với Lò Văn H2 và Lò Văn H1, sau khi Mào Văn T rủ trộm cắp tài sản, các bị cáo đã tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành. Mục đích các bị cáo trộm cắp tài sản là để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại:

Bị hại là Phòng PC03 Công an tỉnh L thông qua người đại diện theo uỷ quyền là anh Phạm Ngọc T3 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không phải giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lò Văn T4 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không phải giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Ngày 02/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Lai Châu đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 192/QĐ-CQĐT trả lại tài sản cho bị hại là Phòng PC03 Công an tỉnh L thông qua người đại diện theo uỷ quyền là anh Phạm Ngọc T3 là đúng quy định nên không đề cập giải quyết.

Đối với vật chứng còn lại của vụ án, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

Đối với 02 (hai) sợi dây tự chế từ vải bạt xác rắn màu cam, mỗi sợi dây dài 1,4 mét; 01 (một) sợi dây tự chế từ vải bạt xác rắn màu xanh - trắng dài 2,4 mét. Đây là những công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 (một) chiếc thuyền sắt có chiều dài 10 mét, chiều rộng lớn nhất 01 mét (chiếc thuyền đã qua sử dụng) thu giữ của Mào Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại đen trắng, có phím nhãn hiệu NOKIA, vỏ bằng nhựa màu xanh (điện thoại đã qua sử dụng) thu giữ của Mào Văn T. Đây là phương tiện mà bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Như vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cần thiết phải có mức án tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục cho các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[11] Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[12] Các tình tiết liên quan đến vụ án:

Đối với Lò Văn T4, khi mua đá của các bị cáo, T4 không biết số đá trên do các bị cáo trộm cắp mà có. Do vậy T4 không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Mào Văn T, Lò Văn H2 và Lò Văn H1.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Mào Văn T, Lò Văn H2, Lò Văn H1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2.Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Mào Văn T: 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H1: 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H2: 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù.

Thời hạn thi hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày 08/5/2024.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) sợi dây tự chế từ vải bạt xác rắn màu cam, mỗi sợi dây dài 1,4 mét; 01 (một) sợi dây tự chế từ vải bạt xác rắn màu xanh - trắng dài 2,4 mét.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc thuyền sắt có chiều dài 10 mét, chiều rộng lớn nhất 01 mét (chiếc thuyền đã qua sử dụng) thu giữ của Mào Văn T; 01 (một) chiếc điện thoại đen trắng, có phím nhãn hiệu NOKIA, vỏ bằng nhựa màu xanh (điện thoại đã qua sử dụng) thu giữ của Mào Văn T.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản tại biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản được lập hồi 14 giờ 00 phút, ngày 09/8/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Mào Văn T; Lò Văn H2 và Lò Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- - TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- CA huyện Nậm Nhùn (CQĐT; CQ THAHS);
- THADS huyện Nậm Nhùn;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Văn Dũng